

Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo tài chính riêng
Quý 2 niên độ 01/07/2015 đến 30/06/2016



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014

ngày 15 tháng 7 năm 1995
ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười bốn lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 24 tháng 03 năm 2015. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận ĐKDN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 10 năm 2015.
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch
Ông Lê Văn Đình	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên
Ông Võ Tông Xuân	Thành viên (Đến ngày 19/12/2015)
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (Đến ngày 19/12/2015)
Ông Lê Quang Hải	Thành viên (Đến ngày 19/12/2015)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên (Từ ngày 19/12/2015)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên (Từ ngày 19/12/2015)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Ngừ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 15/11/2015)
Ông Lê Đức Tồn	Giám Đốc Nhà Máy
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám Đốc Tài Chính
Ông Trang Thanh Trúc	Giám Đối Đối Ngoại

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên (Đến ngày 19/12/2015)
Ông Lê Văn Hòa	Thành viên (Đến ngày 19/12/2015)
Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên (Từ ngày 19/12/2015)
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên (Từ ngày 19/12/2015)

Kế Toán Trưởng

Ông Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Xã Tân Hưng
Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Ernst & Young
Việt Nam

1


Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
 Bảng cân đối kế toán riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	30/06/2015
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100) = 110+120+130+140+150	100		2.893.412.566.004	1.706.708.265.252
Tiền	110	05	258.153.382.077	135.966.594.558
Tiền	111		71.177.988.161	8.124.761.428
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	63.008.536.733	7.021.531.368
Đầu tư ngắn hạn	121		71.177.988.161	8.124.761.428
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-8.169.451.428	-1.103.230.060
Các khoản phải thu	130		2.101.061.213.183	778.479.797.085
Phải thu của khách hàng	131		427.210.051.391	268.477.050.494
Trả trước cho người bán	132	06	1.191.118.148.366	474.876.118.998
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		27.000.000.000	0
Phải thu ngắn hạn khác	136	06	492.558.768.124	58.413.903.143
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		-36.825.754.698	-23.287.275.550
Hàng tồn kho	140	07	393.516.472.206	749.235.990.504
Hàng tồn kho	141		394.335.963.782	750.055.482.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-819.491.576	-819.491.576
Tài sản ngắn hạn khác	150		77.672.961.805	36.004.351.737
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		76.232.311.630	33.159.799.557
Thuế GTGT được khấu trừ	152	16	1.179.022.257	743.163.695
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	261.627.918	2.101.388.485
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.556.983.834.519	1.622.060.040.137
(200 = 210+220+240+250+260)				
Các khoản phải thu dài hạn	210	06	12.955.124.640	35.904.299.058
Phải thu dài hạn khác	216		12.955.124.640	35.904.299.058
Tài sản cố định	220		669.444.053.307	522.927.849.727
Tài sản cố định hữu hình	221	08	488.831.871.451	476.155.185.794
Nguyên giá	222		1.803.096.368.385	1.747.107.486.692
Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1.314.264.496.934)	(1.270.952.300.898)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng- quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

Tài sản cố định vô hình	227	09	180.612.181.856	46.772.663.933
Nguyên giá	228		193.415.925.031	58.432.128.391
Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(12.803.743.175)	(11.659.464.458)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	204.127.904.999	168.922.294.355
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	1.619.072.334.132	840.367.666.552
Đầu tư vào công ty con	251		967.629.504.600	189.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		345.465.187.400	557.902.848.539
Đầu tư dài hạn khác	253		306.104.714.239	93.667.053.100
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn(*)	254		-127.072.107	-202.235.087
Tài sản dài hạn khác	260		51.384.417.441	53.937.930.445
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	37.906.930.057	40.460.443.061
Tài sản dài hạn khác	268		13.477.487.384	13.477.487.384
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		5.450.396.400.523	3.328.768.305.389

NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		2.986.719.604.128	1.373.666.383.525
Nợ ngắn hạn	310		2.324.223.827.045	865.054.054.525
Phải trả người bán ngắn hạn	311		392.812.043.972	82.665.635.893
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	72.256.253.509	81.251.627.841
Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	16	14.245.327.658	18.410.994
Phải trả công nhân viên	314		1.038.775.813	4.031.410.380
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	150.431.283.866	10.819.139.091
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	209.999.996	343.754.583
Các phải trả ngắn hạn khác	319	18	131.668.605.571	4.860.388.237
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	1.535.536.319.695	667.877.287.507
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	26.025.216.965	13.186.399.999
Nợ dài hạn	330		662.495.777.083	508.612.329.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	662.495.777.083	508.612.329.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

3/ho

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
 Bảng cân đối kế toán riêng- quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		2.463.676.796.395	1.955.101.921.864
Vốn chủ sở hữu	410	21	2.463.676.796.395	1.955.101.921.864
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.856.423.580.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.856.423.580.000	1.485.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		155.174.403.823	14.732.000.010
Cổ phiếu quỹ	415		-40.306.862.293	-61.577.199.043
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	243.709.260.201	227.425.653.785
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		248.676.414.664	289.521.467.112
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		123.071.006.021	127.351.945.308
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		125.605.408.643	162.169.521.804
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		5.450.396.400.523	3.328.768.305.389

Kế Toán Trưởng

(Signature)

Lê Phát Tín



Nguyễn Thanh Ngữ

Ngày 15 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

4 *(Signature)*

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
 Báo cáo kết quả kinh doanh riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 02a - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/10 đến 31/12		Giai đoạn từ 01/07 đến 31/12	
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
			1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	982,704,814,568
2. Các khoản giảm trừ	03	25	1,447,268,612	2,150,316,075	2,306,543,730	2,512,902,788
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 03)	10	25	981,257,545,956	502,023,031,923	1,635,851,803,846	954,934,448,940
4. Giá vốn hàng bán	11	26	829,462,469,502	457,506,293,366	1,365,360,523,069	857,332,217,323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		151,795,076,454	44,516,738,557	270,491,280,777	97,602,231,617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	33,316,540,269	24,822,005,677	45,424,019,832	61,596,437,589
7. Chi phí tài chính	22	30	61,436,322,196	(43,141,181,943)	95,466,754,739	(12,366,856,010)
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		19,323,854,806	20,156,239,920	32,154,651,593	44,204,174,291
8. Chi phí bán hàng	24	27	23,865,449,160	14,444,434,335	40,934,332,712	30,679,921,364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	25,180,510,612	17,520,296,712	42,856,683,257	28,889,448,299
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		74,629,334,755	80,515,195,130	136,657,529,901	111,996,155,553
11. Thu nhập khác	31		2,949,275,873	4,807,199,739	3,841,797,075	6,078,096,909
12. Chi phí khác	32		480,275,126	1,115,176,265	1,279,268,135	1,431,551,513
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2,469,000,747	3,692,023,474	2,562,528,940	4,646,545,396
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		77,098,335,502	84,207,218,604	139,220,058,841	116,642,700,949
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	6,290,735,114	8,066,331,701	15,259,576,523	10,078,178,948
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	1,320,138,051	(635,362,425)	1,320,138,051	(36,100,833)
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		69,487,462,337	76,776,249,327	122,630,344,267	106,600,622,834
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		425	750	750	743

Kế Toán Trưởng

Lê Phát Tín

Lê Phát Tín

Ngày 15 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



Người đại diện
 Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thanh Ngữ
 Nguyễn Thanh Ngữ

	Mã số	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế Điều chỉnh cho các khoản	01	77.098.335.502	84.207.218.603
Khấu hao và phân bổ	02	22.340.209.041	21.845.106.467
Các khoản dự phòng	03	30.228.313.214	(63.900.073.358)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định (Lãi) / Lỗ CLTG hồi đoái chưa thực hiện	05 05	(580.000.000) 4.878.661.050	(1.115.909.091) -
Lãi /Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư cổ phiếu	05	671.146.938	132.456.401
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho công ty liên quan	05	(1.313.322.831)	(12.856.710.112)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	05	(8.996.200.982)	(5.309.427.189)
Thu nhập cổ tức	05	(1.009.076.400)	(6.817.148.000)
Chi phí lãi vay	06	19.323.854.806	20.156.239.920
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	142.641.920.338	36.341.753.641
Biến động các khoản phải thu	09	(551.726.054.679)	448.294.950.828
Biến động hàng tồn kho	10	129.791.731.745	(222.748.253.777)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	265.409.252.756	(66.697.087.449)
Biến động chi phí trả trước	12	(15.617.868.793)	37.411.293.870
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.689.045.353)	(20.395.574.236)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(10.000.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.335.521.916	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(213.916.668)	(407.958.591)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp) - Quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015
 đến 30/06/2016

Mẫu B 03a – DN

Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh			
	20	(40.068.458.738)	201.799.124.286
Mã số		Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 1/4/2014 đến 30/06/2014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(149.325.151.076)	(57.463.971.948)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	1.115.909.091
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan và đơn vị khác	23	(2.900.000.000)	(195.000.000.000)
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán	24	3.410.471.293	-
Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác	24	-	218.960.577.469
Tiền thu đầu tư dài hạn khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác & chứng khoán	25	(313.730.919.830)	(196.723.909.246)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	3.771.981.722	31.176.792.337
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(458.773.617.891)	(197.934.602.297)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	981.721.539.794	770.528.757.907
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(419.204.540.000)	(781.133.213.892)
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.756.991.570)	(541.161.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	559.760.008.224	(11.145.617.035)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	60.917.931.595	(7.281.095.046)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

7 

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp) - Quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015
đến 30/06/2016

Mẫu B 03a - DN

Tiền đầu năm	60	<u>197.235.450.482</u>	<u>28.159.419.809</u>
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	<u>258.153.382.077</u>	<u>20.878.324.763</u>

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Người duyệt
Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thanh Ngừ

Ngày 15 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, đầu tư tài chính thông qua các hoạt động: đầu tư vốn vào các công ty cùng ngành và các đối tác chiến lược, đầu tư vốn vào lĩnh vực bất động sản, mua bán chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai); chế biến và bảo quản rau quả (chế biến hàng nông sản); bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa và mù cao su)); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; truyền tải và phân phối điện.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 713 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 186 nhân viên (ngày 30 tháng 06 năm 2015: 488 nhân viên)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và chưa hợp nhất với báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, nếu có, trong báo cáo tài chính. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất được phát hành riêng biệt.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Năm 2013 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2014, căn cứ theo nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014, Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- (i) Kể từ kỳ kế toán 01 tháng 07 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2016, Công ty sẽ lập báo cáo tài chính theo thông tư 200/2014/TT/BTC.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 30 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm |

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- khác 4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phân ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử

dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) *Vốn cổ phần*

(i) *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) *Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) *Doanh thu và thu nhập khác*

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Điện*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) *Các khoản thanh toán thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	30/6/2015
	VND	VND
Tiền mặt & tiền gửi Ngân hàng	258.153.382.077	135.966.594.558
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền		
trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	258.153.382.077	135.966.594.558

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trả trước ngắn hạn bao gồm:

	31/12/2015	30/6/2015
	VND	VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	273.274.294.922	261.806.054.574
Trả trước ngắn hạn cho người bán	917.843.853.444	213.070.064.424
	1.191.118.148.366	474.876.118.998

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2015	30/6/2015
	VND	VND
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	123.517.795	72.453.646
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	40.851.977.816	40.022.448.427
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	1.383.496.966	271.244.461
Tạm ứng nhân viên	9.214.776.465	12.157.955.500
Phải thu dự án Svayrieng	1.846.049.031	3.941.208.303
Phải thu trao đổi đường	359.169.036.915	-
Phải thu trao đổi mía	37.600.627.715	-
Ký cược, ký quỹ	15.443.973.000	-
Phải thu doanh thu chưa lập HĐ	11.224.483.408	-
Phải thu cổ tức sẽ nhận	10.465.910.000	-
Phải thu khác	5.234.919.013	1.948.592.806
	492,558,768,124	58,413,903,143

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2015	30/6/2015
	VND	VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	12,955,124,640	35,904,299,058
	12,955,124,640	35,904,299,058

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

7. Hàng tồn kho

	31/12/2015	30/6/2015
	VND	VND
Nguyên vật liệu	124.675.241.767	33.796.888.944
Công cụ và dụng cụ	794.787.875	771.473.815
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	77.849.092.763	25.479.310.297
Thành phẩm	130.999.998.549	658.135.893.261
Hàng hóa	57.674.501.578	30.434.144.508
Hàng gửi đi bán	2.342.341.250	1.437.771.255
	<hr/>	<hr/>
	394.335.963.782	750.055.482.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(819.491.576)	(819.491.576)
	<hr/> 393.516.472.206	<hr/> 749.235.990.504

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu niên độ	284.075.223.111	1.373.736.050.033	24.824.775.446	6.066.107.572	58.405.330.530	1.747.107.486.692
Tăng trong niên độ	51.753.018.930	6.658.257.310	-	604.900.000	-	59.016.176.240
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	(1.362.098.638)	(1.665.195.909)	-	-	(3.027.294.547)
Số dư cuối kỳ	335.828.242.041	1.379.032.208.705	23.159.579.537	6.671.007.572	58.405.330.530	1.803.096.368.385
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu niên độ	161.015.685.619	1.035.222.744.018	11.724.125.548	4.612.468.588	58.377.277.125	1.270.952.300.898
Khấu hao trong niên độ	5.290.510.153	38.711.650.387	1.410.184.921	250.855.713	9.402.234	45.672.603.408
Thanh lý	-	(1.089.079.722)	(1.271.327.650)	-	-	(2.360.407.372)
Số dư cuối kỳ	166.306.195.772	1.072.845.314.683	11.862.982.819	4.863.324.301	58.386.679.359	1.314.264.496.934
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	123.059.537.492	338.513.306.015	13.100.649.898	1.453.638.984	28.053.405	476.155.185.794
Số dư cuối kỳ	169.522.046.269	306.186.894.022	11.296.596.718	1.807.683.271	18.651.171	488.831.871.451

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu niên độ	47.483.754.819	10.948.373.572	58.432.128.391
Tăng trong niên độ	134.983.796.640	-	134.983.796.640
Số dư cuối kỳ	182.467.551.459	10.948.373.572	193.415.925.031
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu niên độ	8.218.132.165	3.441.332.293	11.659.464.458
Khấu hao trong niên độ	528.197.094	616.081.623	1.144.278.717
Số dư cuối kỳ	8.746.329.259	4.057.413.916	12.803.743.175
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	39.265.622.654	7.507.041.279	46.772.663.933
Số dư cuối kỳ	173.721.222.200	6.890.959.656	180.612.181.856

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 31/12/2015 VND	Giai đoạn 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	168.922.294.355	43.583.923.504
Tăng trong kỳ	221.942.426.214	175.838.683.109
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(51.753.018.930)	(43.295.795.838)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(134.983.796.640)	(7.073.876.420)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(130.640.000)
Số dư cuối kỳ	204.127.904.999	168.922.294.355

22/06/16

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

11. Các khoản đầu tư

	31/12/2015			30/6/2015				
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty con								
• Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (i)	18.900.000	90,00%	90,00%	189.000.000.000	18.900.000	90,00%	90,00%	189.000.000.000
• Công ty TNHH I TV Thành Thành Công Gia Lai (ii)	37.142.358	100,00%	100,00%	508.850.304.600	-	0,00%	0,00%	-
• Công ty Tsu (iii)		100,00%	100,00%	269.779.200.000	-	0,00%	0,00%	-
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:				967.629.504.600				189.000.000.000
• Cty CP Khu công nghiệp Thành Thành Công (iv)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,45%	49,45%	245.000.000.000
• Cty CP Đường Biên Hòa (v)	-	0,00%	0,00%	-	14.938.616	23,71%	23,71%	212.437.661.139
• Cty CP Đường Nước Trong (vi)	1.389.302	2395%	23,95%	53.765.987.400	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400
• Cty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (vii)	3.157.920	26,32%	26,32%	31.579.200.000	3.157.920	26,32%	26,32%	31.579.200.000
• Cty CP NC & UD mía đường TTC (viii)	1.440.000	48,00%	48,00%	15.120.000.000	1.440.000	48,00%	48,00%	15.120.000.000
				345.465.187.400				557.902.848.539
Đầu tư dài hạn khác:								
• Đầu tư vào công ty khác				306.104.714.239				93.667.053.100
				306.104.714.239				93.667.053.100
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(127.072.107)				(202.235.087)
				1.619.072.334.132				840.367.666.552

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
• Đầu tư cổ phiếu khác	71.177.988.161	8.124.761.428
• Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.169.451.428)	(1.103.230.060)
Số dư cuối kỳ	63.008.536.733	7.021.531.368

- (i) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công ("TTCE") được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 03 năm 2014. Trụ sở chính của TTCE đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.
- (ii) Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai trước đây là Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai ("Đường Gia Lai") được thành lập theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở chính đặt tại 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai. Hoạt động chính của công ty là sản phẩm sau đường: mật ri, bánh kẹo, đồ uống; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất phân bón; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất cồn thực phẩm; Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm; Chưng, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh; Đầu tư tài chính.
- (iii) Công ty TNHH tư nhân Đầu tư TSU, Công ty là Kinh doanh thương mại và thực hiện một phần công đoạn sản xuất, đóng gói các sản phẩm đường, mua bán đường thô và đường tinh luyện trên thế giới; mua bán, kinh doanh đường tinh, thực hiện kinh doanh, ký quỹ, mua bán hàng nông sản...
- (iv) Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công (Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (v) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Đường Biên Hòa") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp. Trong kỳ Đường Biên Hòa đã sáp nhập thành công với Công ty CP Đường Ninh Hòa, và tỉ lệ sở hữu của công ty còn lại là 17% không còn là công ty liên kết.
- (vi) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (vii) Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh ("Tanichem"). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, Ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nitơ, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu, ...
- (viii) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía. Trong kỳ công ty đã mua thêm 720.000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ nắm giữ lên 48%.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	8.124.761.428	122.188.965.070	840.569.901.639	796.128.639.523
Tăng đầu tư trong kỳ	72.112.492.102	127.958.510.596	778.629.504.600	230.427.447.116
Thanh lý	(3.951.792.143)	(3.062.136.769)	-	(185.985.435.000)
Thu hồi các khoản đầu tư trong kỳ	(5.107.473.226)	(238.960.577.469)	-	(750.000)
Số dư cuối kỳ	71.177.988.161	8.124.761.428	1.619.199.406.239	840.569.901.639

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	1.103.230.060	51.775.434.206	202.235.087	19.018.367.968
Trích lập trong kỳ	7.066.221.368	1.103.230.060	-	546.962.962
Hoàn nhập trong kỳ	-	(51.775.434.206)	(75.162.980)	(19.363.095.843)
Số dư cuối kỳ	8.169.451.428	1.103.230.060	127.072.107	202.235.087

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	40.460.443.061	25.398.671.617
Tăng trong kỳ		20.741.733.960
Chuyển từ CP XD/CB qua		130.640.000
Phân bổ trong kỳ	(2.553.513.004)	(5.810.602.516)
Số dư cuối kỳ	37.906.930.057	40.460.443.061

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2015	30/6/2015
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.416.391.596.778	555.558.945.507
Vay dài hạn đến hạn trả	119.144.722.917	112.318.342.000
Số dư cuối kỳ	1.535.536.319.695	667.877.287.507

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau

Vay ngắn hạn:	Tiền tệ	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	157.806.453.000	-
• Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (ii)	VND	99.917.675.000	-
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	320.791.105.349	12.475.466.047
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Tây Ninh (iv)	VND	159.970.454.960	152.224.575.460
• Ngân hàng TNHH TM Chinatrust (Việt Nam) (v)	VND	43.700.000.000	78.000.000.000
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vi)	VND	60.000.000.000	60.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Đông Sài Gòn (vii)	VND	178.074.007.552	99.978.904.000
• Ngân hàng Natixis – CN Hồ Chí Minh (viii)	VND	92.128.387.232	-
• Ngân hàng ACB Tân Thuận_TKTT (ix)	VND	249.903.513.685	-
• Ngân hàng HSBC Hongkong (x)	VND		152.880.000.000
• Ngân hàng Malayan Banking Berhad (xi)	VND	54.100.000.000	
		1.416.391.596.778	555.558.945.507

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7 triệu USD (30/06/2015: 0 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng 32 ha quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất đường với giá trị thế chấp lần lượt là 12.400.000 USD và 46.731.000 USD.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị 100 tỷ VND.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20 triệu USD (30/06/2015: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 9.375.000 USD và 9.375.000 USD.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 160 tỷ VND (30/06/2015: 160 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 150 tỷ VND và 50 tỷ VND.
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2 triệu USD (30/06/2015: 3,6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 2 triệu USD.
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (30/06/2015: 60 tỷ VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND (30/06/2015: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 143,75 tỷ VND và 3,5 triệu USD.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4,1 triệu USD (30/06/2015: 5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/ hoặc các khoản phải thu với giá trị là 4,5 triệu USD.
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250 tỷ VND (30/06/2015: 50 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35,678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (127,542 tỷ), 100% khoản phải thu từ dự án và 12.630.296 cổ phiếu BHS (158,599 tỷ).
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7 triệu USD (30/06/2015: 7 triệu USD), đã được tái nợ.
- (xi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5 triệu USD (30/06/2015: 0 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 2,5 triệu USD và 2,5 triệu USD.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	30/6/2015
	VND	VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	66.731.910.000	66.731.910.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	-	8.697.734.000
Người mua trả tiền trước	5.524.343.509	5.821.983.841
	<u>72.256.253.509</u>	<u>81.251.627.841</u>

(*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	30/6/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(1.179.022.257)	(743.163.695)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.513.261.713	(2.101.388.485)
Thuế thu nhập cá nhân	2.470.438.027	18.410.994
	<u>12.804.677.483</u>	<u>(2.826.141.186)</u>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

17. Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND
Phí vận chuyển và bốc dỡ	9,579,842,815	5,260,591,500
Chi phí lãi vay	4,250,260,826	2,537,822,410
Phép năm không sử dụng	405,551,630	435,336,620
Trích trước chi phí chiết khấu	1,909,326,598	399,307,447
Chi phí mía phải trả	51,746,752,800	-
Chi phí nhập khẩu nguyên liệu	66,313,779,275	-
Chi phí khác	16,225,769,922	2,186,081,114
	150,431,283,866	10,819,139,091

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	4,692,057,231	2,570,106,649
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1,200,000,000	1,200,000,000
Cổ tức phải trả	125,345,659,115	441,188,085
Khác	640,889,221	992,848,086
	131,878,605,567	5,204,142,820

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

19. **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	13.186.399.999	22.350.117.493
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	19.540.327.699	3.688.248.683
Sử dụng quỹ	(6.701.510.733)	(12.851.966.177)
Số dư cuối kỳ	26.025.216.965	13.186.399.999

20. **Vay dài hạn**

	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND
Vay dài hạn	781.640.500.000	620.930.671.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(119.144.722.917)	(112.318.342.000)
	662.495.777.083	508.612.329.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	30/6/2015 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo:				
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	2020	10.738.537.000	11.931.708.000
Công ty CP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (ii)	VND		182.000.000.000	-
Vay dài hạn được đảm bảo:				
Ngân hàng ACB-Tân Thuận (iii)	VND	2022	72.802.963.000	61.014.963.000
Ngân hàng công thương Tây Ninh (iv)	VND	2017	348.000.000	434.000.000
Ngân hàng công thương Tây Ninh (v)	VND	2018	2.641.000.000	1.550.000.000
Ngân hàng HSBC HONG KONG (vi)	USD	2020	513.110.000.000	546.000.000.000
			781.640.500.000	620.930.671.000

i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36 tỷ VND (30/06/2015: 36 tỷ VND). Số dư 10.738.537.000 VND của khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1,193 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.

ii) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 182 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND).

iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 100 tỷ VND). Số dư 72.802.963.000 VND của khoản vay này được ân hạn 1 năm và được hoàn trả trong 24 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.033.457.125 VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 15 tháng 05 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35,678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (106,926 tỷ), 100% khoản phải thu từ dự án và 12.630.296 cổ phiếu BHS (127,542 tỷ).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND (30/06/2015: 520 triệu VND). Số dư 348 triệu VND của khoản vay này được hoàn trả trong 8 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 43 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m² quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.

(v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,185 tỷ VND (30/06/2015: 1,69 tỷ VND). Số dư 2,641 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 10 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 264 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 02 tháng 02 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m² quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.

(vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 25 triệu USD (30/06/2015: 25 triệu USD). Số dư 22,5 triệu USD của khoản vay này được hoàn trả trong 18 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1,25 triệu USD. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 02 tháng 06 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng 32 ha quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất đường với giá trị thế chấp lần lượt là 12.400.000 USD và 46.731.000 USD.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	220.510.187.504	137.955.660.272	1.796.620.648.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	162.836.064.155	162.836.064.155
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	6.915.466.281	(10.603.714.964)	(3.688.248.683)
Cổ tức	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2015	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	227.425.653.785	289.521.467.113	1.955.101.921.865
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	24.286.015.963
Phát hành cổ phiếu hoán đổi cổ phiếu SEC	371.423.580.000	137.426.724.600	-	-	-	508.850.304.600
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	122.640.344.266	122.640.344.266
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	16.283.606.416	(35.823.934.115)	(19.540.327.699)
Cổ tức	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.856.423.580.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	243.709.260.201	248.676.414.664	2.463.676.796.395

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo).

Mẫu B 09a - DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		30/6/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(3.268.840)	(32.688.400.000)	-	-
Cổ phiếu hoán đổi - SEC				
Cổ phiếu phổ thông	37.142.358	371.423.580.000	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	182.373.518	1.823.735.180.000	148.500.000	1.485.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	31/12/2015		30/6/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000
Cổ phiếu lưu hành bình quân tăng /giảm trong kỳ	19.946.165	199.461.646.413	-	-
Số dư cuối kỳ	163.452.325	1.634.523.246.413	143.506.160	1.435.061.600.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/07/2015 đến 31/12/2015 VND	Giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/06/2015 VND
Số dư đầu năm	61.577.199.043	61.577.199.043
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	(21.270.336.750)	-
Số dư cuối kỳ	40.306.862.293	61.577.199.043

23. **Cổ tức**

Trong giai đoạn từ ngày 01/07/2015 đến 31/12/2015 Công ty phân phối cổ tức 7% mệnh giá bằng tiền mặt

24. **Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

25. **Tổng doanh thu**
 Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
 Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu		
Bán đường	935.034.388.829	460.433.994.019
Bán mật đường	20.722.323.803	25.252.604.558
Bán điện	14.891.327.972	13.585.787.100
Bán phân bón	3.578.530.150	2.203.049.821
Khác	8.478.243.814	2.697.912.500
	982.704.814.568	504.173.347.998
Giảm giá hàng bán	(1.447.268.612)	(2.150.316.075)
Doanh thu thuần	981.257.545.956	502.023.031.923

26. **Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	787.761.633.897	414.836.098.751
Giá vốn mật đường	19.506.420.000	25.060.899.654
Giá vốn điện	15.426.178.224	13.554.411.548
Giá vốn phân bón	2.770.017.880	2.203.967.810
Khác	3.998.219.501	1.850.915.603
	829.462.469.502	457.506.293.366

27. **Chi phí bán hàng**

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.381.056.166	1.044.091.880
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.030.008.375	5.495.665
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.946.613	101.953.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.665.904.605	11.350.549.486
Chi phí bằng tiền khác	2.785.533.401	1.942.343.318
	23.865.449.160	14.444.434.335

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	9.730.183.611	6.509.939.333
Chi phí vật liệu quản lý	34.099.822	69.074.815
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	517.004.741	950.074.084
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.392.167.277	818.656.010
Thuế, phí và lệ phí	308.583.983	26.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.564.167.045	3.085.613.822
Chi phí bằng tiền khác	7.634.304.133	6.060.338.648
	25.180.510.612	17.520.296.712

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	7.994.267.870	5.090.356.193
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	11.991.493.359	12.808.243.772
Cổ tức	11.474.986.400	6.817.148.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	311.389.719	48.466.340
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.058.541.195	16.120.875
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	485.861.726	41.670.497
	33.316.540.269	24.822.005.677

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	19.323.854.806	20.156.239.920
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	30.228.313.214	(63.900.823.358)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.544.404.182	461.815.094
Hoạt động đầu tư chứng khoán	1.157.008.664	132.456.401
Khác	3.182.741.330	9.130.000
	61.436.322.196	(43.141.181.943)

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	6.290.735.114	8.066.331.702
	6.290.735.114	8.066.331.702
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.320.138.051	(635.362.425)
Chi phí thuế thu nhập	7.610.873.165	7.430.969.277

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế cho các hoạt động chính. Công ty được hưởng các ưu đãi thuế do nằm trong địa bàn được ưu đãi thuế. Do đó, theo thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 02 tháng 08 năm 2014, Công ty cũng được phép nộp thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, các khoản thu nhập khác sẽ chịu thuế suất 22%. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp trước khi được miễn giảm là 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

32. **Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**
 Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Tên công ty	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán thành phẩm	51.514.269.524	35.020.646.177
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	220.288.406	6.185.724.934
Nhận Cung cấp dịch vụ	4.845.253.476	2.656.233.108
Mua hàng hóa	260.226.682	-
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	33.733.333	489.777.143
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	3.812.458.077	324.903.055
Cung cấp dịch vụ	21.818.182	32.727.273
Mua đường thô	61.532.857.143	-
Nhận cung cấp dịch vụ	2.146.558.898	95.661.454
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên		
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	250.159.722	1.120.399.168
Mua hàng hóa	1.264.579.400	886.477.637
Bán hàng hóa	10.014.380.952	-
Công ty CP KCN Thành Thành Công		
Lãi cho vay	-	5.572.443.725
Thu lại khoản cho vay + lãi	-	128.960.577.469
Công ty CP Đường Nước Trong		
Bán hom giống	664.715.000	1.301.860.000
Công ty CP Đường Biên Hòa		
Trao đổi hàng hóa	359.204.017.248	-
Bán hàng hóa	-	236.732.500
Cung cấp dịch vụ	-	8.600.937
Cổ tức	10.465.910.000	6.815.148.000
Mua hàng hóa	158.931.961.227	70.050.227.853
Nhận dịch vụ	640.582	1.113.000.000
Thanh lý TSCĐ	480.000.000	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công ty CP NC UDMD Thành Thành Công		
Chi đầu tư		
Bán hàng hóa		75.990.000
Nhận cung cấp dịch vụ	217.200.000	-
Mua mía nguyên liệu		789.966.000
Phí phân tích đất		240.000.000

Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)		
Cung cấp dịch vụ	4.295.868.745	384.495.049
Bán hàng hóa	495.534.762	942.857
Lãi ứng trước tiền hàng	-	293.333.334
Xuất trả đường hàng hóa	7.008.561.051	-
Mua đường hàng hóa	52.509.391.714	-

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 69.487 triệu VND (giai đoạn từ 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014: 77.776 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 163.452.325 cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 143.506.160), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	69.487.462.337	76.776.249.327

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 2 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	Giai đoạn 01/10/15 đến 31/12/15	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	143.506.160	143.506.160
Cổ phiếu lưu hành bình quân tăng/giảm	19.946.165	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	<u>163.452.325</u>	<u>143.506.160</u>

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Nguyễn Thanh Ngữ

Ngày 15 tháng 02 năm 2016

